

**Mẫu số 02A-HĐ-CVHM: Hợp đồng cho vay theo hạn mức ký với khách hàng là pháp nhân
(kèm theo Hợp đồng Cấp tín dụng)**

*Ban hành kèm theo Công văn số 17536/VCB-PC ngày 30/09/2024 của Tổng giám đốc
về việc ban hành bộ Hợp đồng cấp tín dụng*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO VAY THEO HẠN MỨC

Số: 2026042/CVHM/KHBB

*(Kèm theo Hợp đồng Cấp tín dụng số 2026042/CTD/KHBB ký ngày 29/04/2026 giữa Ngân
hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai và Công Ty TNHH Một
thành viên Thương mại và Dịch vụ Ngọc Thơm)*

Hợp đồng này được ký ngày 29 tháng 04 năm 2026 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai giữa các bên sau đây:

BÊN CHO VAY:

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 53A/4, Quốc Lộ 1A, phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251.3646151

Fax: 0251.3646157

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số: 0100112437 - 145 do Sở KHĐT tỉnh Đồng Nai cấp ngày 07/04/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18/01/2023

Người đại diện: NGUYỄN CHUNG NAM

Chức vụ: Phó giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 800/UQ-VCB-PC ngày 18/12/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam)

Sau đây gọi là “Ngân hàng”

BÊN VAY:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM

Địa chỉ: 12/14/18 Đường 49, Khu phố 69, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0286.2906631

Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309391503 do Sở Tài chính TP. HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 25/09/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 26/08/2025

Đại diện: TRẦN THỊ THƠM

Chức vụ: Chủ tịch Công ty

Tài khoản đồng Việt Nam số: 1027349624 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Sau đây gọi là “Khách hàng”

Hai bên thoả thuận ký Hợp đồng này với các điều khoản sau đây:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. **Phương án Sử dụng vốn:** là tập hợp các thông tin về việc sử dụng vốn của Khách hàng được Khách hàng lập và ký theo mẫu quy định của Ngân hàng.
- 1.2. **Giấy nhận nợ:** là văn bản do Khách hàng lập và ký theo mẫu quy định của Ngân hàng

- hoặc văn bản thông báo của Ngân hàng về Khoản nợ của Khách hàng tại Ngân hàng.
- 1.3. **Hợp đồng:** là Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2026042/CVHM/KHBB ký ngày 29/04/2026 giữa Ngân hàng và Khách hàng, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) tại từng thời điểm.
 - 1.4. **Hạn mức Cho vay:** là hạn mức cho vay tối đa được duy trì trong Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay theo quy định tại khoản 2.1 Điều 2 Hợp đồng này.
 - 1.5. **Hợp đồng Cấp tín dụng:** là Hợp đồng Cấp tín dụng số 2026042/CTD/KHBB ký ngày 29/04/2026 giữa Ngân hàng và Khách hàng, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) tại từng thời điểm.
 - 1.6. **Khoản nợ:** là số tiền được Ngân hàng giải ngân cho Khách hàng theo Hợp đồng này và được Ngân hàng theo dõi theo từng tài khoản vay.
 - 1.7. **Dư nợ gốc bị Quá hạn:** bao gồm số dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại khoản 6.6 Điều 6 Hợp đồng này và số dư nợ gốc mà Khách hàng không trả được nợ trước hạn khi Ngân hàng chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại khoản 9.2 Điều 9 Hợp đồng này.
 - 1.8. **Kỳ hạn Trả nợ:** là các khoảng thời gian trong Thời hạn Cho vay đã thỏa thuận mà vào ngày cuối cùng của mỗi khoảng thời gian đó Khách hàng phải trả một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc Lãi tiền vay cho Ngân hàng.
 - 1.9. **Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ:** là việc Ngân hàng chấp thuận điều chỉnh Kỳ hạn Trả nợ, gia hạn nợ như sau: (i) Điều chỉnh Kỳ hạn Trả nợ là việc Ngân hàng chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc Lãi tiền vay của Kỳ hạn Trả nợ đã thỏa thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số Kỳ hạn Trả nợ đã thỏa thuận), Thời hạn Cho vay không thay đổi; (ii) Gia hạn nợ là việc Ngân hàng chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc Lãi tiền vay, vượt quá Thời hạn Cho vay đã thỏa thuận.
 - 1.10. **Lãi tiền vay:** bao gồm lãi trên dư nợ gốc trong hạn, lãi trên Dư nợ gốc bị Quá hạn, lãi chậm trả quy định tại khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng này.
 - 1.11. **Ngày Giải ngân Vốn vay Lần đầu:** là ngày Ngân hàng giải ngân Khoản nợ lần đầu cho Khách hàng.
 - 1.12. **Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ):** là việc Ngân hàng chủ động trích tiền (ghi Nợ) bất kỳ tài khoản nào (tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi và tài khoản khác) của Khách hàng và/hoặc đơn vị phụ thuộc của Khách hàng mở tại Bên Cho Vay và/hoặc các Chi nhánh của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB), công ty con của VCB để thu hồi nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).
 - 1.13. **Sự kiện Biến động Thị trường:** là các trường hợp thay đổi quy định của pháp luật, chính sách tiền tệ, chính sách điều hành lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các nguyên nhân khách quan khác trực tiếp hoặc gián tiếp làm tăng chi phí huy động vốn của Ngân hàng trong các kỳ tính lãi liên quan và/hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng giải ngân vốn cho vay của Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng này.
 - 1.14. **Thời hạn Cho vay:** là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay cho đến thời điểm Khách hàng phải trả hết nợ gốc và Lãi tiền vay theo Hợp đồng này. Trường hợp ngày cuối cùng của Thời hạn Cho vay không phải là Ngày làm việc thì chuyển sang Ngày làm việc tiếp theo. Đối với Thời hạn Cho vay không đủ 01 (một) ngày thì thực

hiện theo quy định tại Bộ luật Dân sự về thời điểm bắt đầu thời hạn.

- 1.15. **Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay:** là khoảng thời gian Khách hàng được duy trì mức vay tối đa và được quy định tại Khoản 2.2 Điều 2 của Hợp đồng này.

Điều 2. Khoản vay

2.1. Hạn mức Cho vay:

- 2.1.1. Theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, Ngân hàng giao hoặc cam kết giao cho Khách hàng (các) khoản tiền với hạn mức cho vay tối đa tại mọi thời điểm trong Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay không vượt quá **25.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng)**.

- 2.1.1 Hạn mức Cho vay quy định tại điểm 2.1.1 khoản 2.1 Điều này còn bao gồm cả:

- Số dư phát hành Thư tín dụng (L/C) có nguồn thanh toán từ nguồn vốn vay theo Hợp đồng này.
- Khoản nợ của Khách hàng tại Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số **20250026/CVHM/KHBB** ký ngày **29/04/2025** giữa Ngân hàng và Khách hàng tính đến ngày ký Hợp đồng này.

2.2. Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay:

- 2.2.1. Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay:

- Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay là: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này.

- 2.2.2. Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay không vượt quá Thời hạn Hiệu lực của Giới hạn Cấp tín dụng quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng.

- 2.2.3. Nếu hết Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay mà Khách hàng không sử dụng hoặc sử dụng không hết Hạn mức Cho vay thì Khách hàng không được tiếp tục sử dụng Hạn mức Cho vay.

- 2.2.4. Trường hợp hết Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay nhưng chưa hết Thời hạn Hiệu lực của Giới hạn Cấp tín dụng quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng thì Khách hàng được chuyển giới hạn cho vay chưa sử dụng sang giới hạn của hình thức cấp tín dụng khác, nếu được Ngân hàng chấp thuận và phù hợp với quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng.

2.3. Đồng tiền cho vay:

Đồng tiền cho vay là: VND và/hoặc USD.

Khách hàng được quyền đề nghị Ngân hàng giải ngân vốn cho vay bằng nhiều đồng tiền khác nhau khi Ngân hàng chấp thuận phù hợp với quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, Ngân hàng có quyền quy đổi trên danh nghĩa số tiền giải ngân về một đồng tiền theo tỷ giá do Ngân hàng quyết định tại thời điểm quy đổi nhằm quản lý Hạn mức Cho vay quy định tại Khoản 2.1 Điều này.

2.4. Thời hạn Cho vay:

Thời hạn Cho vay của mỗi Khoản nợ tối đa là: 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

- 2.5. **Phương thức cho vay:** Cho vay theo hạn mức.

2.6. Mục đích sử dụng vốn vay:

Mục đích sử dụng vốn vay của Khách hàng là: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.

- 2.7. **Rà soát lại Hạn mức Cho vay và Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay:**



- 2.7.1. Nếu Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay có thời hạn trên 01 (một) năm thì 01 (một) năm ít nhất 01 (một) lần Ngân hàng và Khách hàng thực hiện rà soát xác định lại Hạn mức Cho vay và Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay.
- 2.7.2. Việc rà soát xác định lại Hạn mức Cho vay và Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay phải thực hiện xong trước ngày cuối cùng của thời hạn 01 (một) năm. Trong trường hợp này, Ngân hàng và Khách hàng phải ký một trong hai văn bản sau:
- Văn bản xác nhận đã rà soát xác định lại Hạn mức Cho vay và Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay, nếu sau khi rà soát, các bên thống nhất thỏa thuận không thay đổi Hạn mức Cho vay và Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay quy định tại khoản 2.1 và khoản 2.2 Điều này; hoặc
 - Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này nếu sau khi rà soát, các bên thống nhất thỏa thuận thay đổi Hạn mức Cho vay và/hoặc Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay quy định tại khoản 2.1 và khoản 2.2 Điều này.

Điều 3. Lãi suất cho vay

3.1. Lãi suất cho vay trong hạn:

- Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

3.2. Lãi suất áp dụng đối với Dư nợ gốc bị Quá hạn:

Mức lãi suất áp dụng đối với Dư nợ gốc bị Quá hạn là: 150 % lãi suất cho vay trong hạn quy định tại khoản 3.1 Điều này kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn cho đến khi Khách hàng trả hết Dư nợ gốc bị Quá hạn.

3.3. Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả:

Mức lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả là: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3.4. Sự kiện Biến động Thị trường:

3.4.1. Khi có Sự kiện Biến động Thị trường theo quy định tại Hợp đồng này, Ngân hàng sẽ thông báo bằng văn bản cho Khách hàng biết lãi suất cho vay áp dụng trong kỳ tính lãi bị ảnh hưởng bởi Sự kiện Biến động Thị trường đó. Thông báo này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.

3.4.2. Nếu Khách hàng có đề nghị đàm phán lãi suất cho vay, các bên sẽ tổ chức đàm phán lãi suất cho vay mới trên cơ sở thiện chí, đảm bảo quyền lợi của các bên. Trong thời gian đàm phán, lãi suất cho vay áp dụng là lãi suất cho vay mà Ngân hàng đã thông báo đến Khách hàng khi có Sự kiện Biến động Thị trường. Nếu hai bên không thống nhất được lãi suất cho vay mới trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Khách hàng đề nghị đàm phán lãi suất cho vay, Ngân hàng có quyền dừng việc giải ngân vốn cho vay và/hoặc yêu cầu Khách hàng trả nợ trước hạn.

Điều 4. Giải ngân vốn cho vay

4.1. Điều kiện giải ngân vốn cho vay:

Ngân hàng đồng ý giải ngân vốn vay cho Khách hàng khi tất cả các điều kiện dưới đây đã được đáp ứng, trừ trường hợp Ngân hàng quyết định không áp dụng một số điều kiện nhất định đối với Khách hàng:

4.1.1. Mục đích giải ngân vốn vay của Khách hàng phải phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay

quy định tại khoản 2.6 Điều 2 Hợp đồng này.

- 4.1.2. Khách hàng đề nghị giải ngân vốn cho vay không vượt quá Hạn mức Cho vay chưa sử dụng trong Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay.
- 4.1.3. Các văn bản khác có liên quan đến việc vay vốn có nội dung, hình thức, số lượng phù hợp với quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng, quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng.
- 4.1.4. Ngân hàng đã nhận được hồ sơ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến việc giải ngân vốn vay phù hợp với quy định tại Hợp đồng này và/hoặc Hợp đồng Cấp tín dụng.
- 4.1.5. Các điều kiện khác: Các điều kiện khác: Theo quy định tại Mục 3.1.8 Khoản 3.1 Điều 3 của **Hợp đồng Cấp tín dụng số 2026042/CTD/KHBB ký ngày 29/04/2026** giữa Ngân hàng và Khách hàng

4.2. Hồ sơ đề nghị giải ngân vốn cho vay:

Mỗi lần đề nghị giải ngân vốn cho vay, Khách hàng cung cấp cho Ngân hàng hồ sơ đề nghị giải ngân vốn cho vay có nội dung, hình thức, số lượng đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng, bao gồm:

- a) Bản gốc Giấy nhận nợ;
- b) Tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay;
- c) Các hồ sơ, tài liệu khác theo yêu cầu của Ngân hàng và theo quy định tại Hợp đồng này.

4.3. Phương thức giải ngân vốn cho vay:

Ngân hàng giải ngân vốn cho vay bằng tiền mặt và/hoặc chuyển tiền vào tài khoản do Khách hàng chỉ định phù hợp với quy định của Ngân hàng và quy định của pháp luật.

Điều 5. Biện pháp bảo đảm tiền vay

- 5.1. Nghĩa vụ của Khách hàng theo Hợp đồng này được bảo đảm theo (các) biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng.

Điều 6. Trả nợ gốc, Lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác

6.1. Trả nợ gốc:

Khách hàng phải trả nợ gốc vào ngày đến hạn được ghi trên Giấy nhận nợ hoặc thời điểm khác theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên.

6.2. Trả Lãi tiền vay:

6.2.1. Trả lãi trên dư nợ gốc trong hạn:

- a) Khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc trong hạn cho Ngân hàng trong khoảng thời gian 07 (bảy) ngày được tính từ ngày lên phiếu tính lãi (bill lãi) dưới đây:
 Ngày lên phiếu tính lãi là ngày ... hàng tháng.
- b) Lãi trên dư nợ gốc trong hạn được tính bằng (=) số dư nợ gốc thực tế nhân (x) số ngày vay thực tế nhân (x) lãi suất cho vay trong hạn chia (:) cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.
- c) Vào ngày đến hạn được ghi trên Giấy nhận nợ của từng Khoản nợ, Khách hàng phải trả toàn bộ dư nợ gốc và lãi trên dư nợ gốc trong hạn của Khoản nợ đó.

6.2.2. Trả lãi trên Dư nợ gốc bị Quá hạn:

- a) Khách hàng phải trả lãi trên Dư nợ gốc bị Quá hạn theo lãi suất áp dụng đối với Dư nợ gốc bị Quá hạn quy định tại khoản 3.2 Điều 3 Hợp đồng này.

b) Lãi trên Dư nợ gốc bị Quá hạn được tính bằng (=) Dư nợ gốc bị Quá hạn nhân (x) số ngày quá hạn nhân (x) mức lãi suất áp dụng đối với Dư nợ gốc bị Quá hạn chia (:) cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

6.2.3. Trả lãi chậm trả:

a) Khách hàng phải trả lãi chậm trả tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả quy định tại khoản 3.3 Điều 3 của Hợp đồng này.

b) Lãi chậm trả được tính bằng (=) số dư lãi chậm trả nhân (x) số ngày chậm trả nhân (x) mức lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả chia (:) cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

6.2.4. Trường hợp Khách hàng trả toàn bộ dư nợ gốc của (các) Khoản nợ cho Ngân hàng thì Khách hàng phải trả Lãi tiền vay cùng ngày với ngày Khách hàng trả toàn bộ dư nợ gốc của (các) Khoản nợ đó cho Ngân hàng.

6.3. Trả nợ trước hạn:

6.3.1. Khách hàng chỉ được trả một phần hoặc toàn bộ nợ vay trước hạn nếu được Ngân hàng đồng ý.

6.3.2. Khách hàng phải trả nợ trước hạn khi Ngân hàng chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại khoản 9.2 Điều 9 Hợp đồng này.

6.3.3. Trường hợp Khách hàng trả trước hạn toàn bộ dư nợ gốc của (các) Khoản nợ cho Ngân hàng thì Khách hàng phải trả Lãi tiền vay cùng ngày với ngày Khách hàng trả trước hạn toàn bộ dư nợ gốc của (các) Khoản nợ đó cho Ngân hàng.

6.4. Trả các loại phí:

6.4.1. Trường hợp phát sinh các nghiệp vụ có liên quan đến (các) Khoản nợ, Khách hàng đồng ý trả ngay cho Ngân hàng các loại phí phát sinh theo biểu phí do Ngân hàng công bố tại thời điểm ký Hợp đồng này hoặc tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ có liên quan đến (các) Khoản nợ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

6.4.2. Trường hợp Khách hàng trả nợ trước hạn theo quy định tại Hợp đồng này, mức phí Khách hàng phải trả cho Ngân hàng được xác định theo cách tính sau:

Phí trả nợ trước hạn bằng (=) 0% nhân (x) số tiền trả nợ trước hạn

6.4.3. Khách hàng phải trả phí cam kết rút vốn kể từ thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực đến Ngày Giải ngân Vốn vay Lần đầu theo cách tính sau:

Phí cam kết rút vốn bằng (=) 0% nhân (x) số tiền giải ngân lần đầu.

6.4.4. Khách hàng đồng ý trả các khoản phí, lệ phí để thực hiện các thủ tục công chứng/chứng thực/xác nhận, đăng ký giao dịch bảo đảm, định giá/thẩm định giá tài sản bảo đảm và các loại phí, lệ phí khác (nếu có) phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai liên quan đến việc vay vốn theo Hợp đồng này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Trường hợp Ngân hàng trả thay cho Khách hàng các khoản phí, lệ phí này thì Khách hàng phải hoàn trả lại Ngân hàng số tiền Ngân hàng đã trả thay cho Khách hàng trong thời hạn phù hợp do Ngân hàng yêu cầu.

6.5. Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ:

6.5.1. Nếu Khách hàng có nhu cầu Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ thì Khách hàng phải gửi văn bản đề nghị Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ và phương án/kế hoạch trả nợ mới đến Ngân hàng ít nhất 20 Ngày làm việc trước ngày đến hạn trả nợ.

6.5.2. Nếu Khách hàng không gửi văn bản đề nghị Cơ cấu lại Thời hạn Trả nợ và phương án/kế

9.3. Xử lý nợ vay:

Khi xảy ra bất kỳ Sự kiện Vi phạm nào quy định tại Hợp đồng này, Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng toàn quyền chủ động áp dụng một, một số hoặc tất cả biện pháp quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng để xử lý nợ vay.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

10.1. Luật điều chỉnh:

Hợp đồng này được điều chỉnh, giải thích theo pháp luật quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng.

10.2. Giải quyết tranh chấp:

Việc giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này thực hiện theo quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng.

10.3. Phạt vi phạm:

10.3.1. Ngân hàng và Khách hàng đồng ý trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, bất kỳ bên nào vi phạm Hợp đồng này đều phải chịu phạt vi phạm theo mức phạt vi phạm quy định tại điểm 10.3.2 khoản 10.3 Điều này.

10.3.2. Mức phạt vi phạm Hợp đồng này là: 0% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng này bị vi phạm.

10.3.3. Việc phạt vi phạm quy định tại khoản 10.3 Điều này không áp dụng đối với trường hợp Khách hàng không trả nợ gốc và/hoặc Lãi tiền vay đúng hạn và phải trả lãi trên Dư nợ gốc bị Quá hạn, lãi chậm trả quy định tại các điểm 6.2.2 và điểm 6.2.3 khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng này.

10.4. Bồi thường thiệt hại:

10.4.1. Bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng: Khách hàng phải bồi thường các thiệt hại và tổn thất thực tế phát sinh (nếu có) cho Ngân hàng trong trường hợp Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình quy định tại Hợp đồng này và có lỗi dẫn đến gây thiệt hại và tổn thất cho Ngân hàng. Việc Bồi thường thiệt hại (nếu có) không áp dụng đối với trường hợp Khách hàng không trả nợ gốc và/hoặc Lãi tiền vay đúng hạn và phải trả lãi trên Dư nợ gốc bị Quá hạn, lãi chậm trả quy định tại các điểm 6.2.2 và điểm 6.2.3 khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng này.

10.4.2. Bồi thường thiệt hại cho Khách hàng: Ngân hàng phải bồi thường các thiệt hại và tổn thất thực tế phát sinh (nếu có) cho Khách hàng trong trường hợp Ngân hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình quy định tại Hợp đồng này và có lỗi dẫn đến gây thiệt hại và tổn thất cho Khách hàng.

Điều 11. Các thỏa thuận khác

11.1. Tính thống nhất:

Hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng Cấp tín dụng. Hợp đồng này, Hợp đồng Cấp tín dụng và các tài liệu kèm theo (nếu có) là một thể thống nhất, xác lập toàn bộ thỏa thuận giữa các bên.

11.2. Cam đoan của Khách hàng:

Vào ngày ký kết Hợp đồng này, Khách hàng cam đoan như sau:

11.2.1. Đã được Ngân hàng cung cấp đầy đủ các thông tin về: lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với Dư nợ gốc bị Quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính Lãi tiền vay; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản



vay; các tiêu chí xác định Khách hàng vay vốn theo lãi suất cho vay; thông tin về hợp đồng theo mẫu; và các thông tin khác có liên quan đến toàn bộ nội dung Hợp đồng này.

11.3. Hiệu lực:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày dưới đây cho đến sau khi hết Thời Hạn Duy trì Hạn mức Cho vay và Khách hàng đã thực hiện xong tất cả nghĩa vụ của mình đối với Ngân hàng theo Hợp đồng này, trừ trường hợp có thỏa thuận khác:

Ngày ký Hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành 03 bản gốc có giá trị pháp lý ngang nhau. Ngân hàng giữ 02 bản và Khách hàng giữ 01 bản.

ĐỂ GHI NHẬN CÁC THỎA THUẬN TRONG HỢP ĐỒNG NÀY, người đại diện hợp pháp của Khách hàng và Ngân hàng cùng ký Hợp đồng này làm căn cứ thực hiện.

NGÂN HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Phó giám đốc



NGUYỄN CHUNG NAM

KHÁCH HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Chủ tịch Công ty



TRẦN THỊ THƠM